TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2024/DS-ST
Ngày: 29-5-2024
V/v tranh chấp buộc thực hiện nghĩa vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Phi Yến
2. Ông Vũ Trung Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 về "tranh chấp đòi tài sản'' theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty Cổ phần V

Trụ sở: 1081 đường Q, phường A, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1967; Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 102/UQ-Cty ngày 09/4/2024): Bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1979.

2. Bị đơn: Ông Lê Viết T, sinh năm 1968

Địa chỉ: 11C2 đường S, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 07/9/2022 của Nguyên đơn – Công ty Cổ phần V (sau đây gọi là Nguyên đơn) cùng trình bày của bà Hoàng Thị Thu H là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn thì: Ngày 15/8/2016, ông Lê Viết T (sau đây gọi là Bị đơn) ký Hợp đồng lao động số: 10/2016/HĐLĐ với Chi nhánh Công ty Cổ phần V – Xí nghiệp chế biến gỗ V là đơn vị trực thuộc của Nguyên đơn (sau đây gọi là Chi nhánh). Trong quá trình làm việc tại Chi nhánh, Bị đơn đã tạm ứng lương 14 lần với tổng số tiền 366.700.000đ và đã hoàn tạm ứng 8 lần với tổng số tiền 197.895.000đ. Năm 2017, Bị đơn còn nợ 2.000.000đ tiền tạm ứng lương, với tổng số tiền tạm ứng và hoàn lại như trên Bị đơn còn nợ lại 170.805.000đ, tháng 10/2018, Bị đơn xin nghỉ việc với lý do cá nhân nhưng không hoàn trả lại tiền cho Chi nhánh, Chi nhánh đã nhiều lần có công văn yêu cầu Bị đơn phải hoàn trả tiền. Ngày 25/01/2019, Bị đơn xác nhận có nợ Chi nhánh 170.805.000đ và đưa ra phương án trả nợ mỗi tháng 10.000.000đ, bắt đầu từ tháng 02/2019 đến tháng 6/2020. Nhưng từ tháng 02/2019 đến nay Bị đơn không trả tiền còn né tránh nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải trả ngay cho Nguyên đơn 170.805.000đ (Một trăm bảy mươi triệu tám trăm linh năm ngàn đồng) tiền nợ tạm ứng lương.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, niêm yết Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho Bị đơn theo đúng thủ tục tố tụng nhưng Bị đơn không trình bày ý kiến và không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, bà Hoàng Thị Thu H là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có Đơn xin vắng mặt. Bị đơn – ông Lê Viết T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của Nguyên đơn Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là ‘‘tranh chấp đòi tài sản’’. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn trả tiền còn thiếu theo Công văn xác nhận nợ đã ký do đó quan hệ tranh chấp được xác định lại là “tranh chấp buộc thực hiện nghĩa vụ”. Bị đơn cư trú tại quận Tân Bình nên Toà án quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn phải trả 170.805.000đ tiền nợ tạm ứng lương. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Bản sao Hợp đồng lao động số: 10/2016/HĐLĐ ngày 15/8/2016 của Chi nhánh thể hiện giữa Chi nhánh và Bị đơn đã ký kết hợp đồng lao động với một số nội dung chính như sau: Loại hợp đồng: 36 tháng (từ ngày 15/8/2016 đến ngày 15/8/2019); Chức vụ: Phó Giám đốc điều hành; Lương: 35.000.000đ/tháng, sau thời gian 8 tháng sẽ nâng mức lương lên 55.000.000đ ....

Căn cứ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Nguyên đơn tại Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng; Căn cứ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của Chi nhánh tại Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thể hiện Chi nhánh hoạt động theo ủy quyền của Nguyên đơn. Từ các căn cứ trên xác định việc khởi kiện của Nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ các Giấy đề nghị tạm ứng của Bị đơn và các Phiếu chi của Chi nhánh thể hiện số tiền Bị đơn đã nhận chi tạm ứng của Chi nhánh là 366.700.000đ, cụ thể như sau: Ngày 11/01/2018 nhận 5.000.000đ; Ngày 12/01/2018 nhận 20.000.000đ; Ngày 17/01/2018 nhận 5.000.000; Ngày 08/02/2018 nhận 5.000.000đ; Ngày 26/02/2018 nhận 6.700.000đ; Ngày

01/3/2018 nhận 5.000.000đ; Ngày 10/4/2018 nhận 30.000.0009; Ngày 13/4/2018 nhận 30.000.000đ; Ngày 25/4/2018 nhận 5.000.000đ; Ngày 12/5/2018 25.000.000đ; Ngày 12/6/2018 nhận 150.000.000đ; Ngày 21/6/2018 nhận 30.000.000đ; Ngày 03/8/2018 nhận 20.000.000đ và ngày 24/8/2018 nhận 30.000.000đ.

Theo trình bày của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì năm 2017 Bị đơn còn nợ Chi nhánh 2.000.000đ, trong năm 2018, Bị đơn đã trả thông qua khấu trừ lương là 197.895.000đ, cụ thể như sau: Ngày 12/02/2018 trả 5.000.000đ; Ngày 10/3/2018 trả 21.700.000đ; Ngàu 11/4/2018 trả 40.000.000đ; Ngày 10/5/2018 trả 47.000.000đ; Ngày 13/6/2018 trả 12.500.000đ; Ngày 11/7/2018 trả 20.000.000đ; Ngày 10/9/2018 trả 30.000.000đ và ngày 10/10/2018 trả 21.695.000đ. Nên số tiền Bị đơn còn nợ Chi nhánh là: 366.700.000đ (tạm ứng năm 2018) + 2.000.000đ (nợ năm 2017) - 197.895.000đ (trả năm 2018) = 170.805.000đ.

Căn cứ Công văn về việc thu hồi tạm ứng lần 2 ngày 11/01/2019 của Chi nhánh (do ông Lê Trung T ký) thể hiện số nợ đến ngày 08/01/2019 Chi nhánh yêu cầu Bị đơn phải trả là 170.805.000đ; Căn cứ xác nhận ngày 25/01/2019 của Bị đơn trên Công văn trên thể hiện: "Kính gửi: Ông Lê Trung T. Tôi xác nhận công nợ 170.805.000đ và xin đưa ra phương án trả nợ như sau: Mỗi tháng tôi chuyển trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng) vào tài khoản Xí nghiệp. Bắt đầu chuyển trả từ tháng 02 năm 2019 đến 06/2020 (17 kỳ trả nợ). Mong ông chấp nhận phương án trả nợ như trên vì hoàn cảnh hiện tại của tôi gặp khó khăn. Trân trọng cảm ơn Ông".

Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở xác định đến ngày 08/01/2019, Bị đơn còn nợ Chi nhánh 170.805.000đ nên yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn 170.805.000đ tiền nợ tạm ứng lương.

[5] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả ngay sau khi án án có hiệu lực pháp luật là không trái quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, trả lại Nguyên đơn 4.270.150đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Bị đơn phải chịu 8.540.250đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 351; Điều 352; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Công ty Cổ phần V.

Buộc ông Lê Viết T có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần V 170.805.000đ (Một trăm bảy mươi triệu tám trăm linh năm ngàn đồng) tiền nợ tạm ứng lương.

2/ Về thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về địa điểm thanh toán: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Kể từ ngày Công ty Cổ phần V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Viết T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5/ Về án phí: Ông Lê Viết T phải chịu 8.540.250đ (Tám triệu năm trăm bốn mươi ngàn hai trăm năm mươi đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại Công ty Cổ phần V 4.270.150đ (Bốn triệu hai trăm bảy mươi ngàn một trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002169 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7/ Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần V, ông Lê Viết T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

8/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
-Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương